TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Ông Nguyễn Văn Khoản

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Chiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Q**, sinh năm 1999; địa chỉ: Khu phố 6, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt);

Bị đơn: Anh **Vũ H**, sinh năm 1999; HKTT: Thôn Xá Nam, xã K, T, tỉnh Hải Dương; địa chỉ tạm trú: Khu phố 6, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu tôi và anh H quyết định chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn

thì hai vợ chồng sống chung với nhau tại khu phố 6, phường M, thị xã C. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên chơi bời, nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị Q cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không nghe. Đến tháng 01/2023 do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh H đã bỏ ra ngoài sống và hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị Q cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Q và anh H có 01 con chung tên Vũ A, sinh ngày 04/9/2022. Chị Q yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ H mặc dù anh H đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh H vắng mặt khôn*g lý *do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh H được.*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Q xin vắng mặt và không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Anh Vũ H vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ tài liệu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 BLTTDS còn bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,72 và Điều 234 BLTTDS.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Chị Q và anh H chung sống với nhau vào năm 2022 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy anh chị thường xuyên

mâu thuẫn và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Nguyễn Q được ly hôn với anh Vũ H.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Vũ A, sinh ngày 04/9/2022 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu trong suốt quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Nguyễn Q, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Do bị đơn anh Vũ H có nơi cư trú tại Kp 6, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[1.3] *Về sự vắng mặt của các đương sự*: Tại phiên tòa bị đơn anh Vũ H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Chị Nguyễn Q và anh Vũ H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[2.1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án chị Q cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên chơi bời, nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị Q cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không nghe. Đến tháng 01/2023 do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh H đã bỏ ra ngoài sống và hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Điều này hoàn toàn phù hợp với biên bản xác

minh ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho chị Q, anh H nhưng anh H vắng mặt không lý do còn chị Q vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, giữa chị Q và anh H không còn quan tâm nhau và cũng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Q cho chị Q được ly hôn với anh H.

[2.1.3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Q và anh H có 01 con chung tên Vũ A, sinh ngày 04/9/2022. Chị Q yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng con chung trong khi anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến của anh H. Mặt khác cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi, từ khi hai vợ chồng sống ly thân đến nay cháu A được chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao con chung là Vũ A, sinh ngày 04/9/2022 cho chị Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

[2.1.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con và anh H không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.1.5] Về tài sản chung: Chị Q và anh H không yêu cầu nên Không xem xét giải quyết

[2.1.6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn chị Nguyễn Q phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Q được ly hôn với anh Vũ H.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ A, sinh ngày 04/9/2022 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Không có

5. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012290 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND phường Minh Long, thị xã Chơn Thành
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh